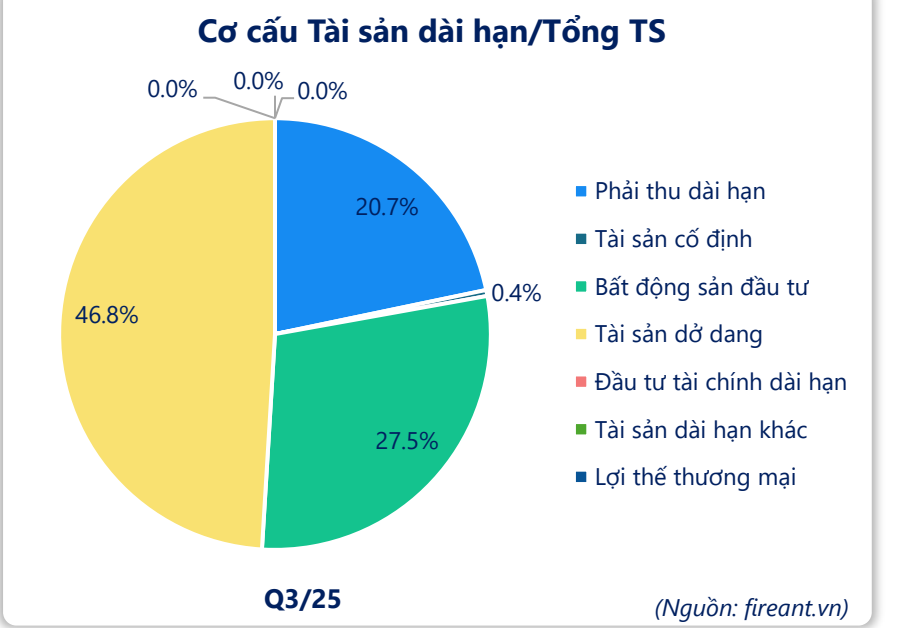
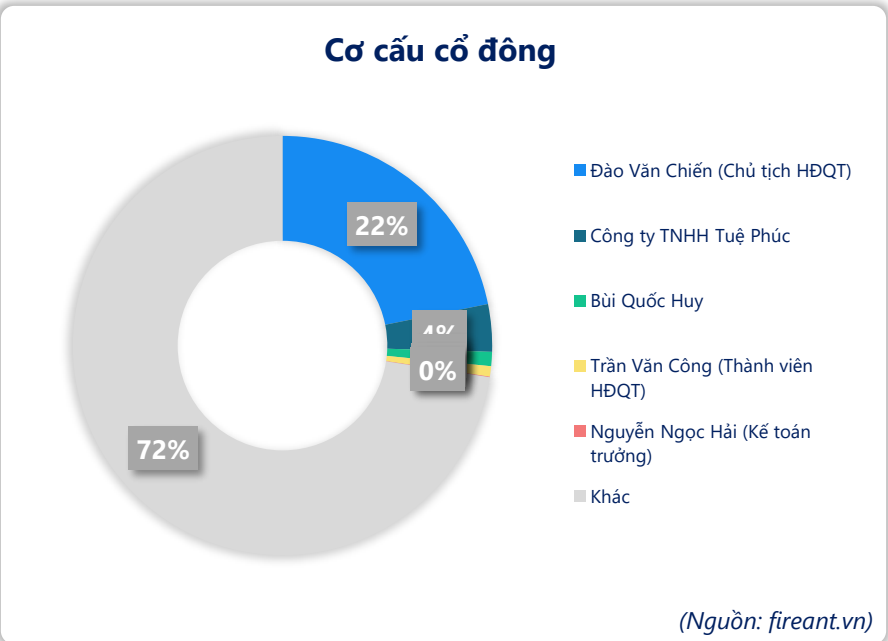
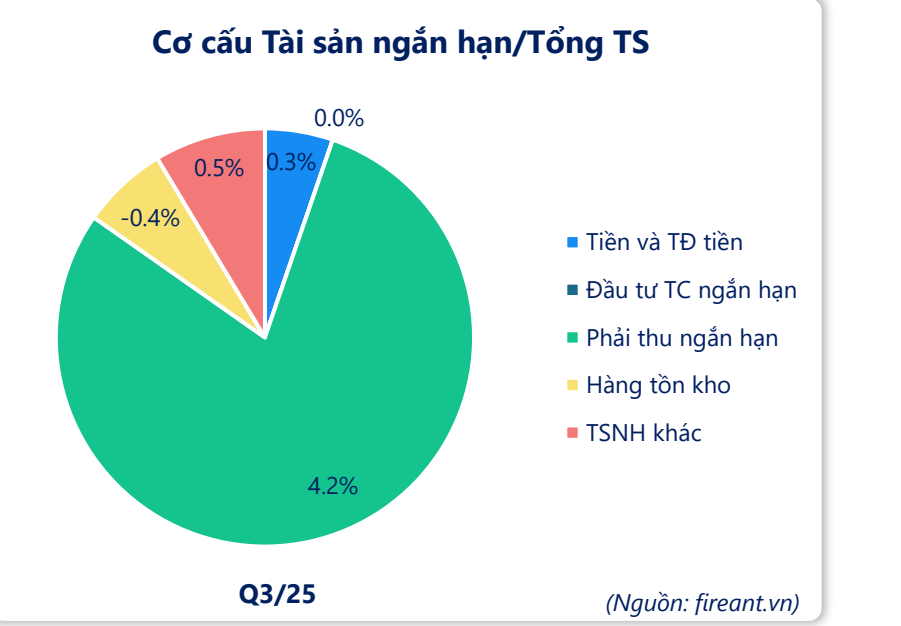
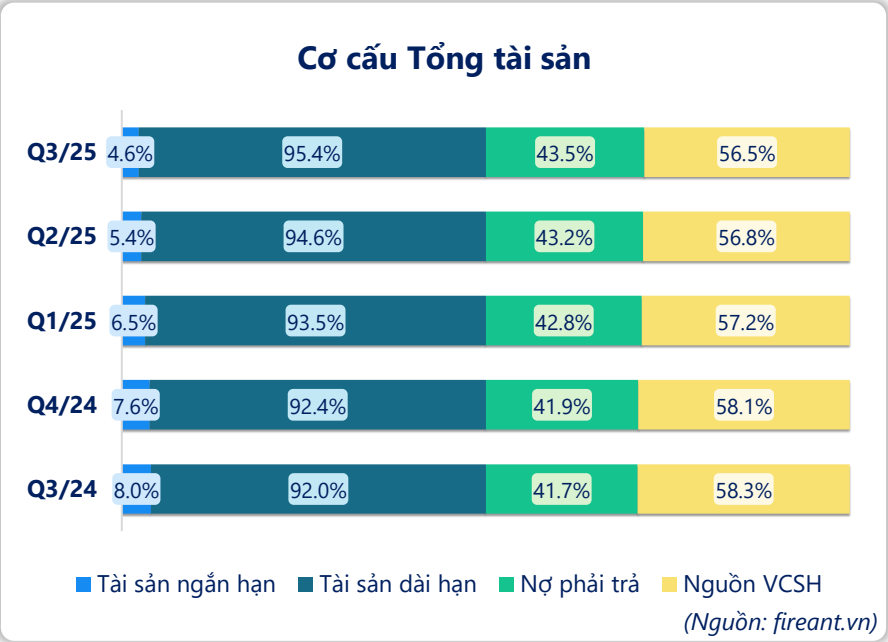
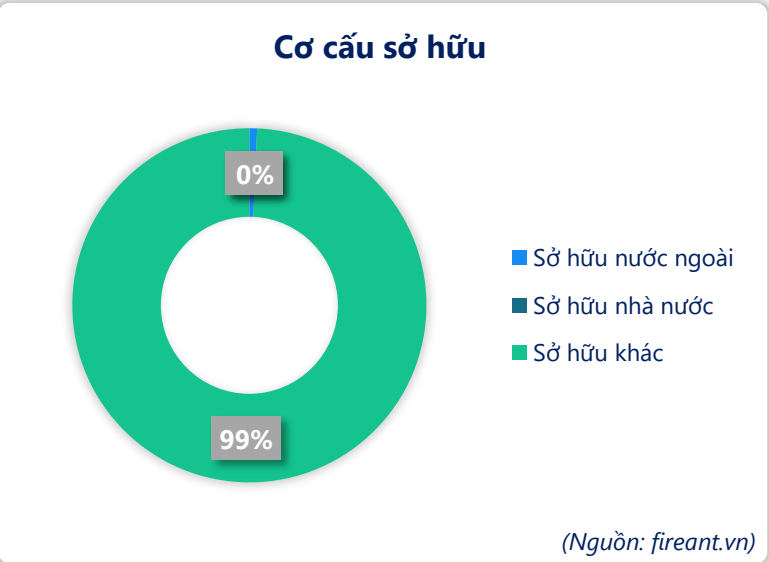
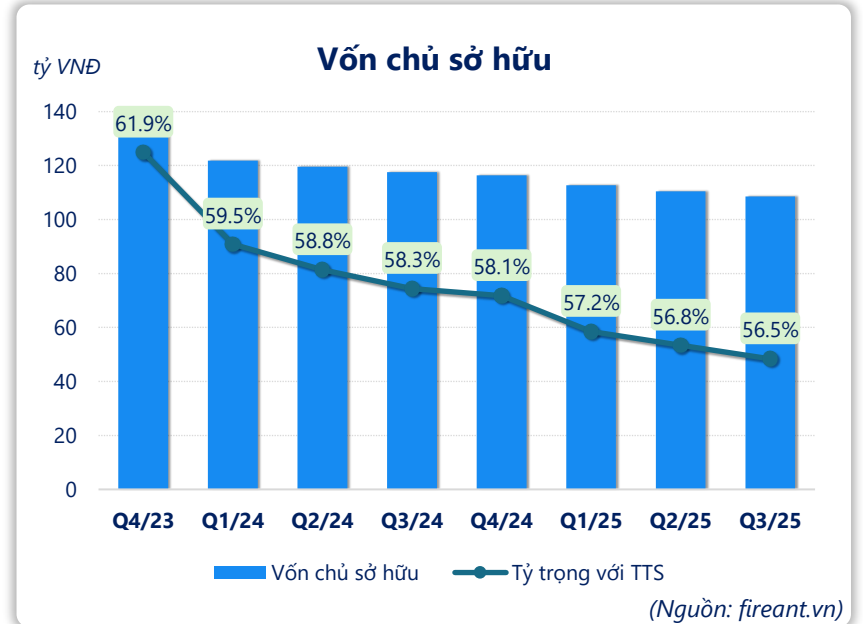
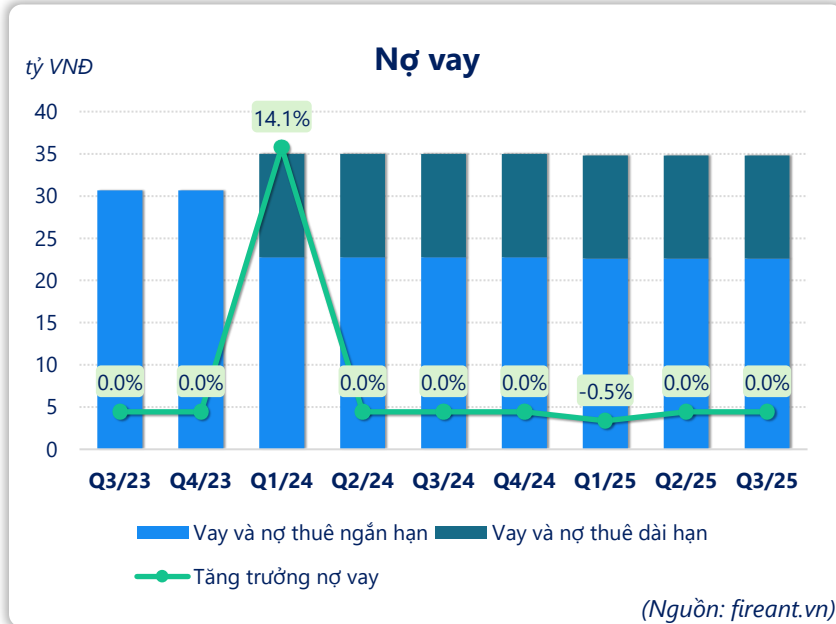
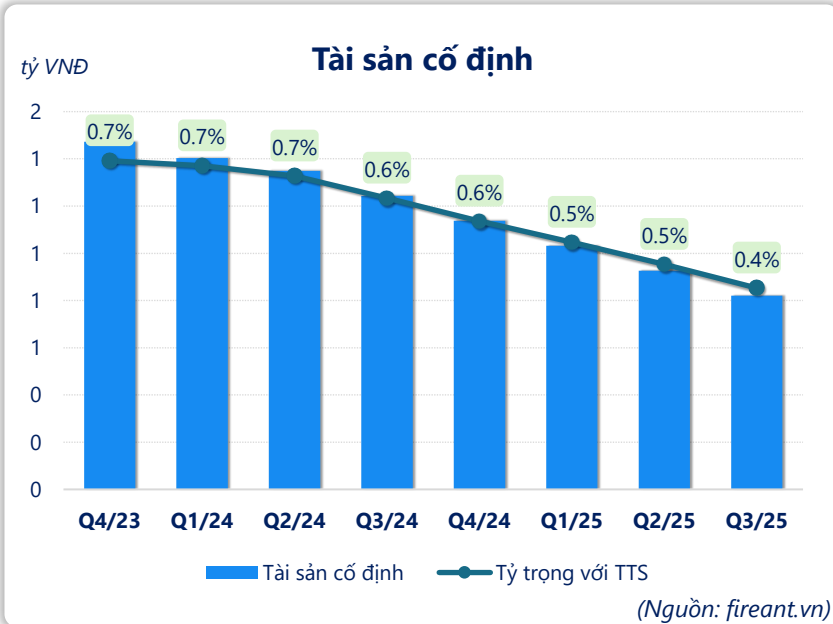
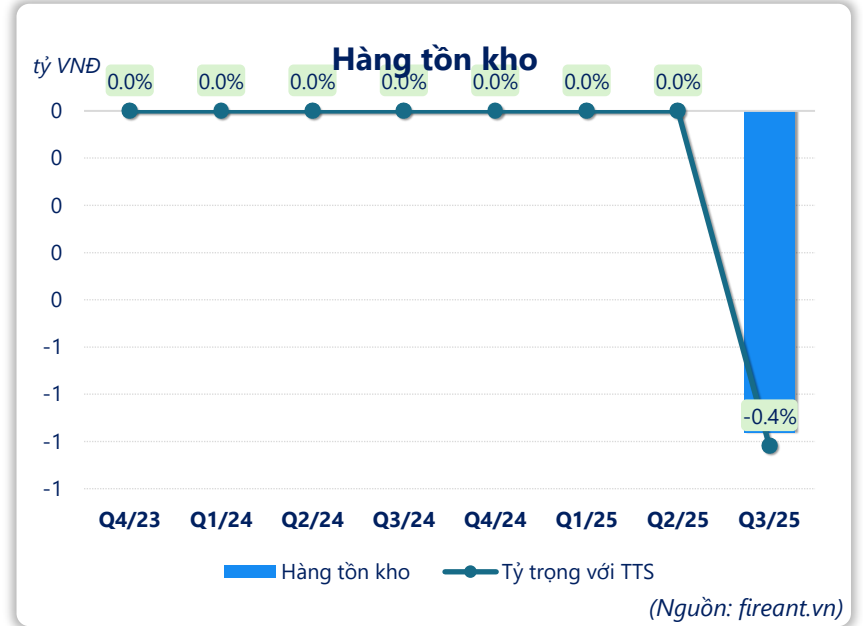
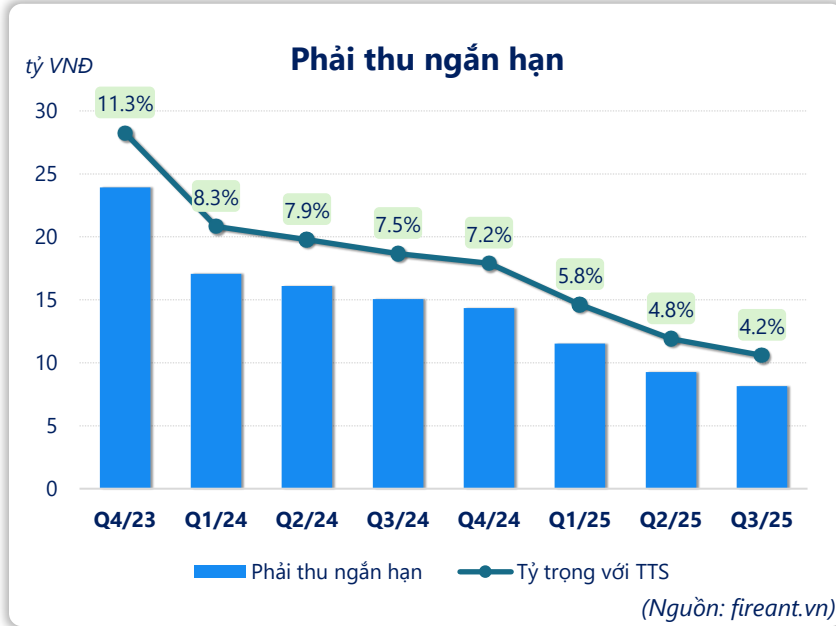
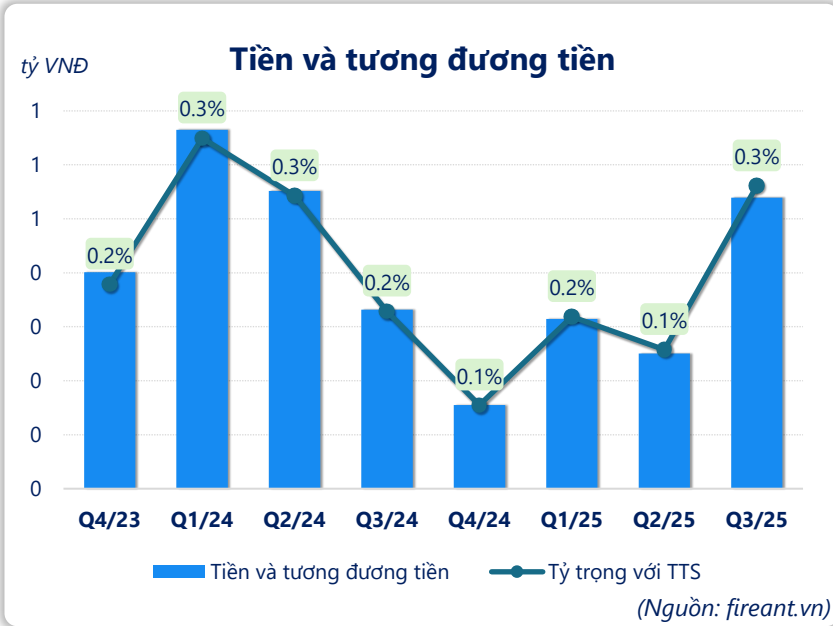
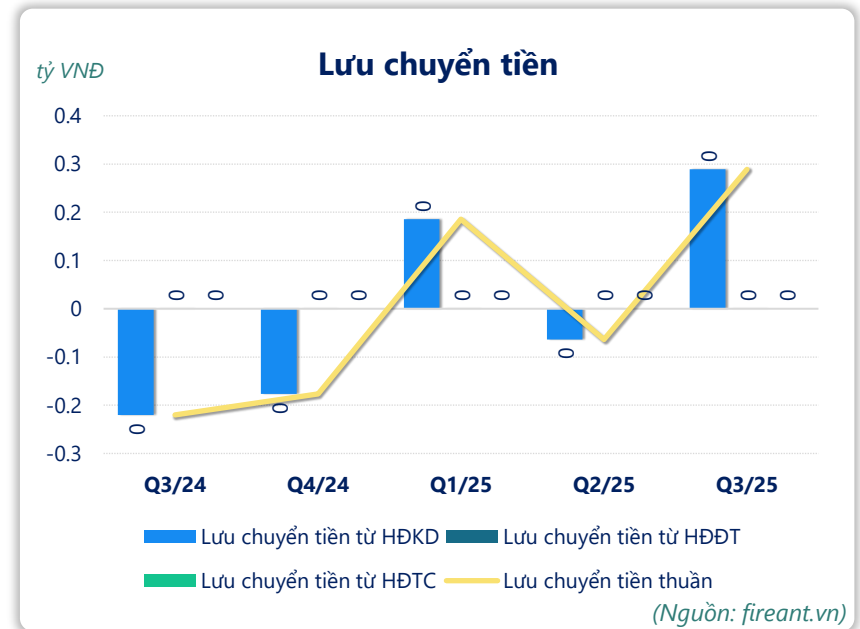
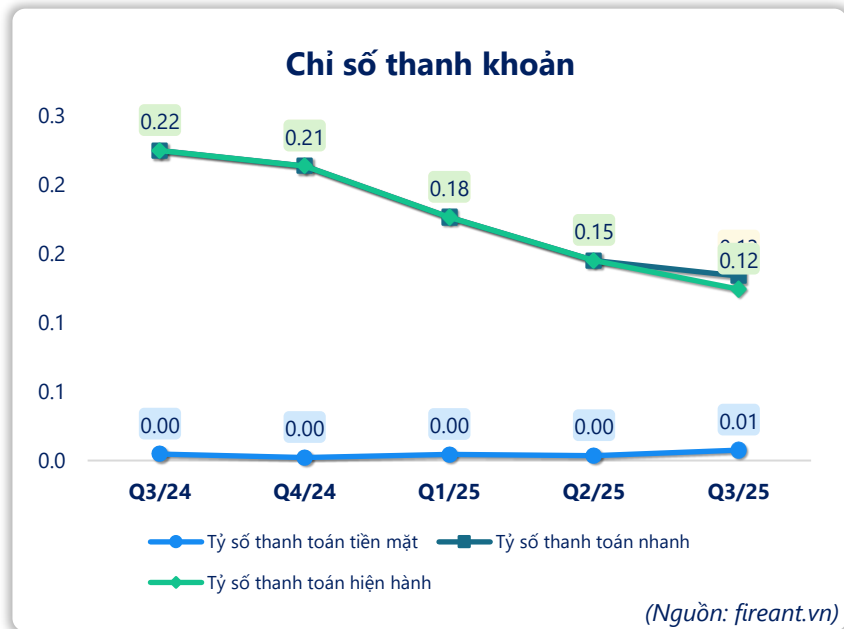
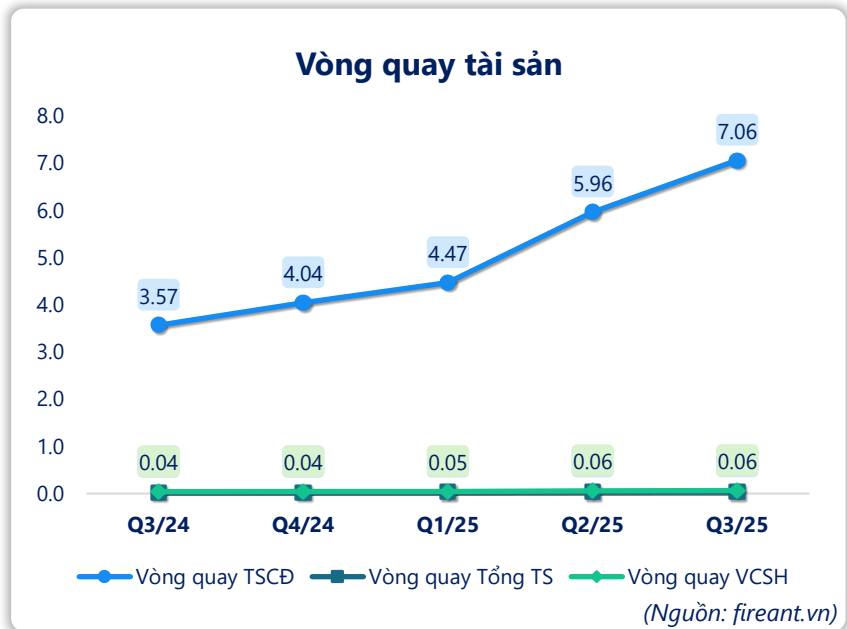
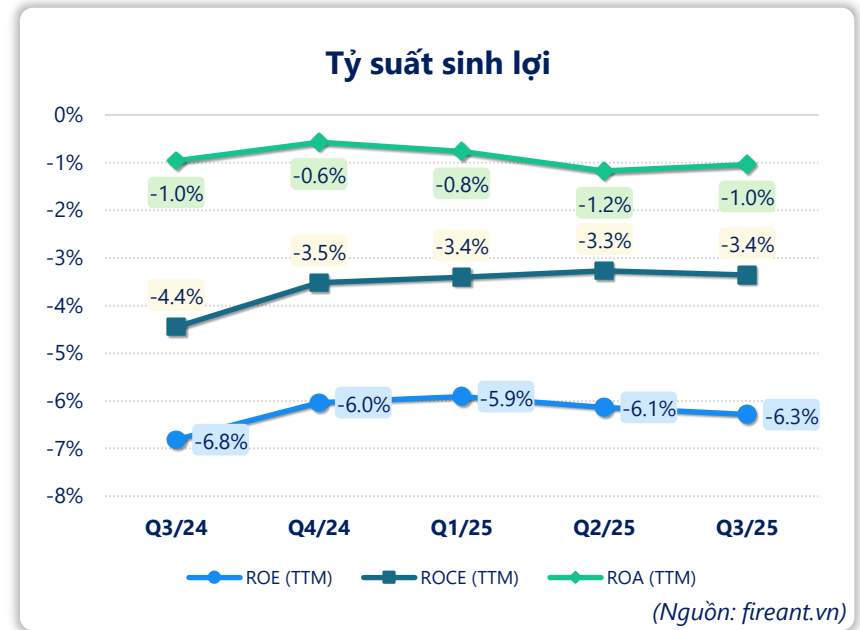
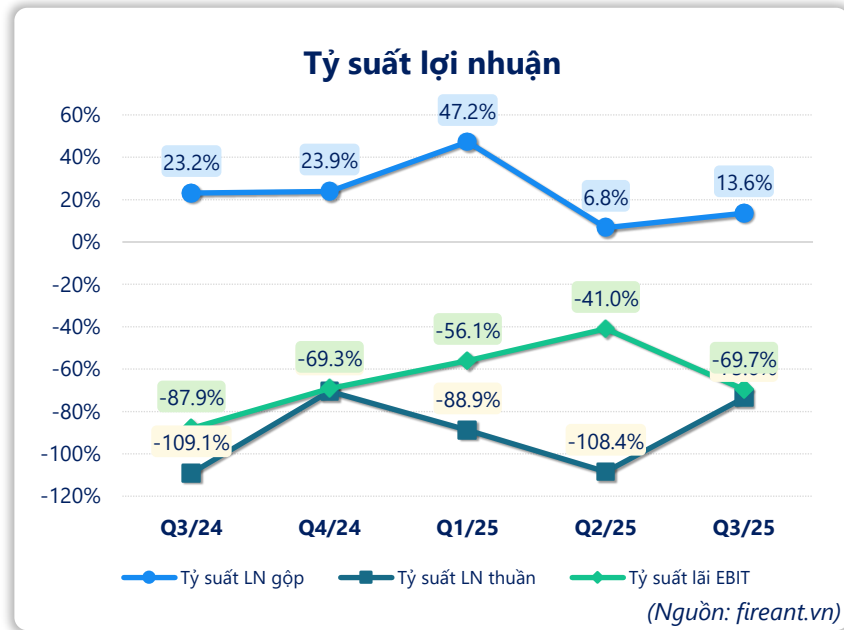
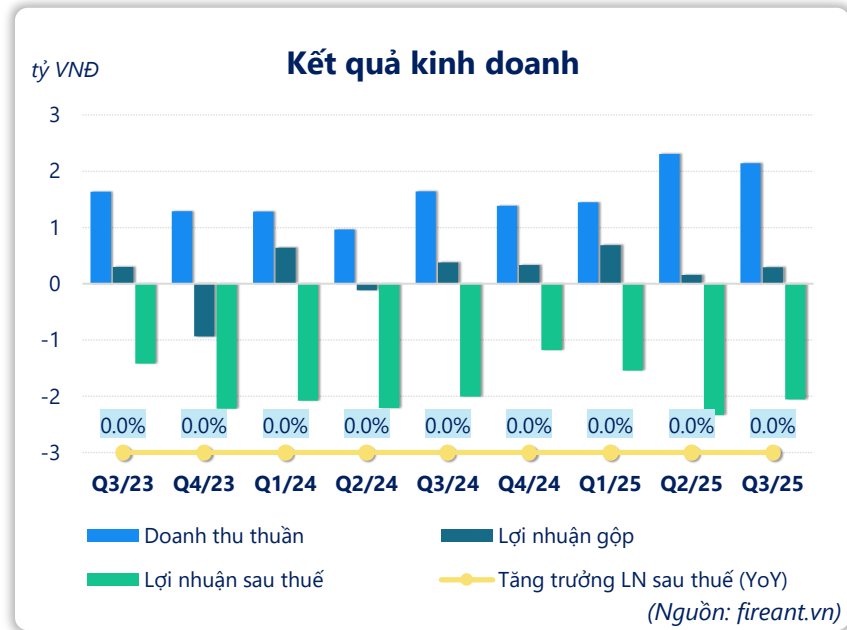


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,300
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,490
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		28
P/E		-3.9
EPS		-356

	YTD	1T	3T	6T
HTT	-6.7%	0.0%	-22.2%	-17.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	192	198	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	8.88	12.9	-31.2%
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.13	318%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.14	12.2	-33.4%
Hàng tồn kho	-0.68	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.88	0.56	57.4%
Tài sản dài hạn	183	185	-0.8%
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.82	1.14	-27.9%
Bất động sản đầu tư	52.8	54.1	-2.3%
Tài sản dở dang	89.9	89.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.7	83.6	0.2%
Nợ ngắn hạn	71.5	71.4	0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.6	22.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	1.40	-7.6%
Nợ dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1.64	1.39	1.45	2.31	2.14
Giá vốn hàng bán	1.26	1.06	0.76	2.15	1.85
Lợi nhuận gộp	0.38	0.33	0.68	0.16	0.29
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.56	0.22	0.73	1.39	0.56
Chi phí lãi vay	0.56	0.22	0.73	1.39	0.56
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.61	1.09	1.24	1.27	1.30
LN thuần từ HĐKD	-1.79	-0.98	-1.29	-2.50	-1.58
Lợi nhuận khác	-0.21	-0.20	-0.26	0.17	-0.48
LN trước thuế	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05
Lợi nhuận sau thuế	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05
LNST của CĐ cty mẹ	-2.00	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.55	0.33	0.13	0.31	0.25
Lưu chuyển tiền thuần	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.33	0.16	0.31	0.25	0.54

(Nguồn: fireant.vn)